

Bản án số: 91/2024/DS-ST

Ngày: 22 - 5 - 2024

V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Ngọc Phương;

2. Bà Mai Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thái Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 637/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ 2, ấp H, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông **Đinh Bá T**, sinh năm 1979; ông **Lê Phú Quốc T1**, sinh năm 1999; cùng địa chỉ: Số 101, đường 2, khu nhà A, phường H, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh (văn bản uỷ quyền ngày 18/12/2023); có mặt.

2. **Bị đơn:** Bà **Lê Kim Th**, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 12, ấp T, xã H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 12 năm 2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 11/3/2024 của nguyên đơn, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn ông **Đinh Bá T** trình bày:

Theo Hợp đồng cấp tín dụng số LD1930900662 ký ngày 06/11/2019 giữa bên cho vay là Ngân hàng S (gọi tắt là Ngân hàng) và bên vay là **Nguyễn Văn Đ** và bà **Lê**

Kim Th, vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng. Đến ngày 09/11/2020, ông Đ đã hoàn tất thanh toán cho Ngân hàng tiền gốc và lãi theo hợp đồng các bên đã ký. Số tiền, gốc lãi mà ông Đ đã trả cho Ngân hàng là 544.679.946 đồng. Nay, ông Đ yêu cầu bà Th trả lại $\frac{1}{2}$ của số tiền 544.679.946 đồng là 272.339.973 đồng và yêu cầu tính tiền lãi của số tiền 272.339.973 đồng với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 09/11/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính như sau: 272.339.973 đồng x 0,83%/tháng x 40 tháng = 90.416.871 đồng. Tổng cộng là 362.756.844 đồng.

Bị đơn – Bà Lê Kim Th trình bày:

Bà và ông Đ sống chung, đăng ký kết hôn năm 2007, ly hôn vào năm 2019. Sau khi ly hôn, ông Đ gặp khó khăn về tài chính nên có nhờ bà đến Ngân hàng ký hợp đồng tín dụng. Do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà và ông Đ nên bà đồng ý cùng ông Đ đến Ngân hàng ký hợp đồng vay số tiền 500.000.000 đồng. Ông Đ là người nhận tiền về sử dụng, bà không có nhận tiền. Quá trình trả gốc, lãi do ông Đ trả cho Ngân hàng. Nay, ông Đ yêu cầu bà trả $\frac{1}{2}$ số tiền vay theo hợp đồng vay Hợp đồng cấp tín dụng số LD1930900662 ký ngày 06/11/2019, bà không đồng ý vì bà chỉ ký nhận nợ cho Ngân hàng để ông Đ sử dụng công việc của ông Đ, bà không có nhận khoản tiền nào.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 166, 351, 357 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ đối với bà Lê Kim Th về tranh chấp đòi lại tài sản. Buộc bà Th trả cho ông Đ số tiền 272.339.973 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ đối với bà Lê Kim Th về tính tiền lãi trên số tiền 272.339.973 đồng.

Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn Đ là nguyên đơn, vắng mặt tại phiên toà. Người đại diện hợp pháp của ông Đ có mặt tại phiên toà. Căn cứ khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn Đ.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 02/01/2019, ông Đ và bà Th ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 04/2019/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Khi ly hôn, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 06/11/2019, ông Đ và bà Th ký vay số tiền 500.000.000 đồng của Ngân hàng theo Hợp đồng cho vay số LD1930900662 ngày 06/11/2019, thời hạn vay 12 tháng. Khi đến hạn, ông Đ đã thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng tổng số tiền là 544.679.946 đồng.

Năm 2022, bà Th khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn. Sau đó bà Th rút đơn khởi kiện nên Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án ngày 09/8/2022.

Năm 2023, bà Th khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh giải quyết vụ kiện bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 101/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2023. Theo đó, bà Th và ông Đ thống nhất chia tài sản chung là phần đất diện tích 3310 m² tại thửa 110, tờ bản đồ số 16 tại ấp H, xã T, huyện Tân Châu. Quyết định không ghi nhận thỏa thuận liên quan đến nợ chung.

Ông Đ khởi kiện yêu cầu bà Th trả lại ½ số tiền mà ông Đ đã trả cho Ngân hàng và tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 09/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên toà người đại diện hợp pháp của ông Đ yêu cầu bà Th trả số tiền gốc là 272.339.973 đồng, tiền lãi tính từ ngày 09/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/5/2024) với mức lãi suất 0,83%/tháng thành tiền là 95.938.349 đồng. Tổng gốc, lãi là 368.278.322 đồng. Bà Th không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Đ nên các bên phát sinh tranh chấp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Khoản nợ tín dụng giữa ông Đ, bà Th với Ngân hàng được ký sau khi ông Đ, bà Th đã ly hôn và ông Đ đã trả nợ Ngân hàng xong trước khi bà Th tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn. Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 101/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2023 chưa giải quyết về nợ chung.

Trong quá trình giải quyết chia tài sản sau khi ly hôn vào năm 2022, giữa bà Th với ông Đ thì ông bà đã thống nhất chia tài sản: 01 quyền sử dụng đất diện tích 6.434,5 m² (ông Đ được quyền sử dụng phần diện tích này và thanh toán tiền cho bà Th nên bà Th rút đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 85/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/8/2022).

Trong quá trình giải quyết chia tài sản sau khi ly hôn vào năm 2023, giữa bà Th với ông Đ thì ông bà đã thống chia tài sản: 01 quyền sử dụng đất diện tích 3.310 m² (ông Đ được quyền sử dụng phần diện tích này và thanh toán tiền cho bà Th số tiền 900.000.000 đồng. Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 101/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2023).

Cả 02 quyền sử dụng đất diện tích 6.434,5 m² và 3.310 m² là tài sản thế chấp cho Ngân hàng theo hợp đồng vay số LD1930900662 ngày 06/11/2019.

Việc thống nhất chia tài sản sau khi ly hôn giữa bà Th với ông Đ được thực hiện (năm 2022, 2023) sau khi ông Đ thanh toán khoản vay gốc, lãi cho Ngân hàng (ngày 09/11/2020).

Trong quá trình giải quyết chia tài sản sau khi ly hôn, ông Đ cũng không yêu cầu giải quyết khoản nợ vay với Ngân hàng mà ông đang cho rằng đây là khoản nợ chung giữa ông với bà Th.

Mặt khác, căn cứ vào giấy nhận nợ kiêm bảng theo dõi cho vay, thu nợ của Ngân hàng xác định ông Đ là người trực tiếp nhận số tiền vay 500.000.000 đồng. Ông Đ không cung cấp được chứng cứ, chứng minh việc giao ½ số tiền 500.000.000 đồng cho bà Th, bà Th không thừa nhận có việc nhận ½ số tiền 500.000.000 đồng từ ông Đ.

Từ những phân tích, căn cứ nêu trên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ về việc yêu cầu bà Th trả lại ½ số tiền gốc, lãi mà ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của ông Đ không được chấp nhận nên ông Đ phải chịu án phí sơ thẩm tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 166 Bộ luật Dân sự; các Điều 144, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ đối với bà Lê Kim Th về tranh chấp đòi lại tài sản số tiền là 368.278.322 (ba trăm sáu mươi tám triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm hai mươi hai) đồng.

2/ Về án phí: Nguyễn Văn Đ phải chịu 18.414.000 (mười tám triệu bốn trăm mười bốn nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông Đ đã nộp 9.069.500 (chín triệu không trăm sáu mươi chín nghìn

năm trăm) đồng theo các biên lai thu số 0006003 ngày 15/3/2024 và số 0005714 ngày 22/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Như vậy, ông Đ còn phải nộp tiếp là 9.344.500 (chín triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Kim Th không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Phạm Thị Xuân Lan